TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19/2026/QĐST-HNGĐ	*Gia Lai, ngày 13 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 30/2026/TLST-HNGĐ ngày 04/02/2026 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*", giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1999. Địa chỉ: Thôn N, xã B, tỉnh Gia Lai. Số căn cước: 064199009554, cấp ngày 14/01/2025.

- Bị đơn: Anh Trương Trung H1, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Tổ dân phố H, xã Đ, tỉnh Gia Lai. Số căn cước: 06409212022, cấp ngày 19/9/2024.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1999 và anh Trương Trung H1, sinh năm 1992.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1999 (là nguyên đơn) và anh Trương Trung H1, sinh năm 1992 (là bị đơn) là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 16/9/2019 tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là UBND xã Đ, tỉnh Gia Lai). Nay nguyên đơn và bị đơn đều nhận thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn và bị đơn tự nguyện ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Trương Trung H1 có 01 con chung là Trương Ngọc Khánh V, sinh ngày 10/5/2020. Sau khi ly hôn theo thỏa thuận giữa chị H và anh H1, giao con chung là Trương Ngọc Khánh V, sinh ngày 10/5/2020 cho chị H là người trực tiếp nuôi

dưỡng cho đến khi con đã thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trương Trung H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Trương Trung H1 không yêu cầu giải quyết nên không xét.

2.5. Về án phí:

Án phí thuận tình ly hôn là: 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*), mỗi người phải chịu là 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Ngọc H tự nguyện chịu thay án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Trương Trung H1 nên chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng)*, nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị Ngọc H đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm mươi đồng)*, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001145 ngày 03/022026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc H số tiền tạm ứng án phí đã nộp còn thừa là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng)*.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khuc vực 10, tỉnh Gia Lai;
- Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 10 –Gia Lai;
- Các đương sự;
- UBND xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai
(đăng ký KH số 96 ngày 16/9/2019);
- Lưu hồ sơ, vp.

THẨM PHÁN

Đoàn Xuân Hòa